

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XNK DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****Quý 1 năm 2012**

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	311.133.215.647	296.113.464.949
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		177.733.941	533.354
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		310.955.481.706	296.112.931.595
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.27	206.896.533.493	241.046.641.868
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		104.058.948.213	55.066.289.727
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26	11.941.262.299	5.452.652.244
7. Chi phí tài chính	22	VI.28	8.017.184.888	7.896.369.107
Trong đó: chi phí lãi vay	23		7.325.723.447	5.733.767.890
8. Chi phí bán hàng	24		24.982.474.419	13.555.800.820
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		7.871.983.986	6.847.878.340
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [=20+(21-22)-(24+25)]	30		75.128.567.219	32.218.893.704
11. Thu nhập khác	31		237.294.972	21.914.194.058
12. Chi phí khác	32		1.667	22.164.308.125
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		237.293.305	-250.114.067
14. Phần lợi nhuận hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh			-5.682.744.449	
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		69.683.116.075	31.968.779.637
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.30	17.637.614.669	7.614.294.902
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.30	0	0
18. Lợi nhuận sau thuế TNDN (= 50 - 51 - 52)	60		52.045.501.406	24.354.484.735
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		2.169	2.030

Người lập biểu

Nguyễn Thị Ngọc Thơm**Kế toán trưởng**

Nguyễn Thị Hào

Tân Bình, ngày 16 tháng 02 năm 2012

Tổng Giám đốc**Nguyễn Minh Tâm**